

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2019/DS-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khánh Hưng

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1969, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Thu H, sinh năm: 1974, địa chỉ cư trú: Đường D, Phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Diên H1, trú tại: Đường F, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số: 00002604 ngày 21 tháng 5 năm 2019). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn: Bà Phạm Thị L yêu cầu bà Lương Thị Thu H phải trả số tiền 450.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Bà Lương Thị Thu H”. Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày: Ngày 17/6/2018, bà H có vay bà 400.000.000 đồng có giấy viết tay, sau đó 03

tháng bà H vay thêm 100.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ. Bà H đã trả cho bà tổng cộng 70.000.000 đồng, còn thiếu bà 430.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà H phải trả cho bà 430.000.000 đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 06/5/2019.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bị đơn: Bà Lương Thị Thu H thừa nhận ngày 17/6/2018 có vay của bà L số tiền 400.000.000 đồng, sau đó đã trả cho bà L được 70.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ bà L 330.000.000 đồng. Nếu hòa giải được thì bà sẽ trả dần mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Nếu không hòa giải được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà H trả số tiền nợ 430.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Bà Lương Thị Thu H”.

Bà H1 là đại diện hợp pháp của bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ bà L 330.000.000 đồng nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 330.000.000 đồng.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 4 năm 2019 “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Bà Lương Thị Thu H”.

Ngoài ra, nguyên đơn và đại diện bị đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

-Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Đã tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo luật định.

-Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Việc tổng đạt Giấy triệu tập, thông báo hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự đã được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ và đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lương Thị Thu H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ 330.000.000 (Ba trăm ba mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại: Đường D, Phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 17/6/2018 và lời thừa nhận của bà H có vay của bà L 400.000.000 đồng và bà L cũng thừa nhận bà H đã trả được 70.00.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà L yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ 430.000.000, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà L buộc bà H phải trả 330.000.000 đồng đây là số tiền bà H thừa nhận còn nợ bà L mà không chấp nhận buộc bà H phải trả phần 100.000.000 đồng vì bà L không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà H đã vay 100.000.000 đồng đối với khoản vay mà bà L trình bày là cho bà H vay nhưng không ghi giấy tờ và do bà H không thừa nhận đã vay số tiền 100.000.000 đồng này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ buộc bà H trả cho bà L số tiền 330.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp

luật là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Đối với lời trình bày của bà H1 là đại diện hợp pháp của bà H tại phiên tòa là do việc làm ăn gặp khó khăn nên bà H xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ 330.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không chấp nhận vì các bên giao kết hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, bà L không đồng ý cho bị đơn trả dần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bị đơn.

[4]. Đối với đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 4 năm 2019 “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Bà Lương Thị Thu H” không được chấp nhận vì bà H thừa nhận còn nợ bà L số tiền 330.000.000 đồng và theo đơn đề ngày 23/5/2019 về việc đề nghị hủy bỏ Quyết định khẩn cấp tạm thời, bà H trình bày ngày 10/6/2019 bà có ký hợp đồng làm ăn với người nước ngoài nên không thể hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên nhằm để đảm bảo thi hành án. Hơn nữa, ngày 06/5/2019 bà H đã khiếu nại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 4 năm 2019 nhưng đến ngày 23/5/2019 bà H đã có đơn rút lại khiếu nại và Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã có Quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại số: 15/2019/QĐ-TA ngày 24 tháng 5 năm 2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí đối với số tiền 330.000.000 đồng phải trả cho bà L là $330.000.000 \times 5\% = 16.500.000$ đồng.

Bà L phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận 100.000.000 đồng là $100.000.000 \times 5\% = 5.000.000$ đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0000500 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà L số tiền 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phạm Thị L.

1. Buộc bà Lương Thị Thu H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ 330.000.000 (Ba trăm ba mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Thu H phải chịu là 16.500.000 (Mười sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Bà Phạm Thị L phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 (Mười một triệu) đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0000500 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà L số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

